



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP TCO Holdings

Ngày 30/09/2025	10,950 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.8%	10.6%	-9.5%

DT thuần Q3/25
239
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 134 128%
YoY: ▼895 -78.9%

LN thuần Q3/25
10.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.41 15.5%
YoY: ▲ 4.88 89.4%

LN sau thuế Q3/25
3.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.24 6.8%
YoY: ▼1.33 -25.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
10.8%
YoY: +/- ▼ 5.3%

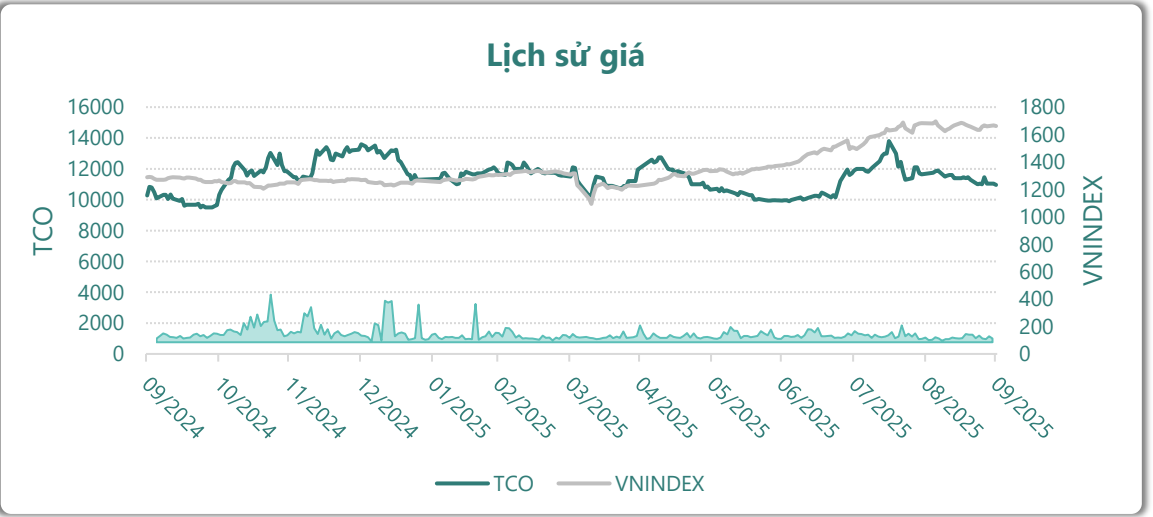
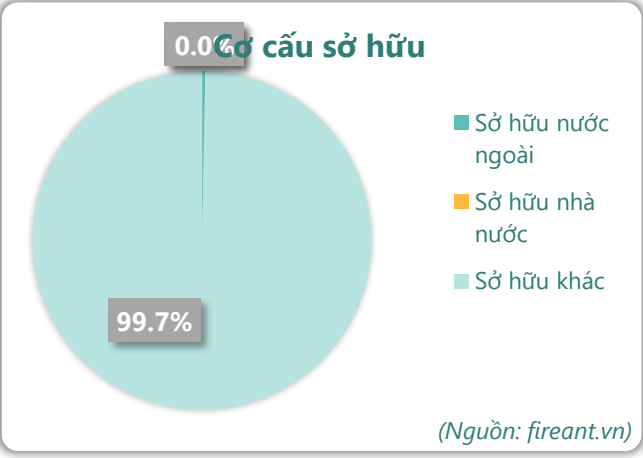
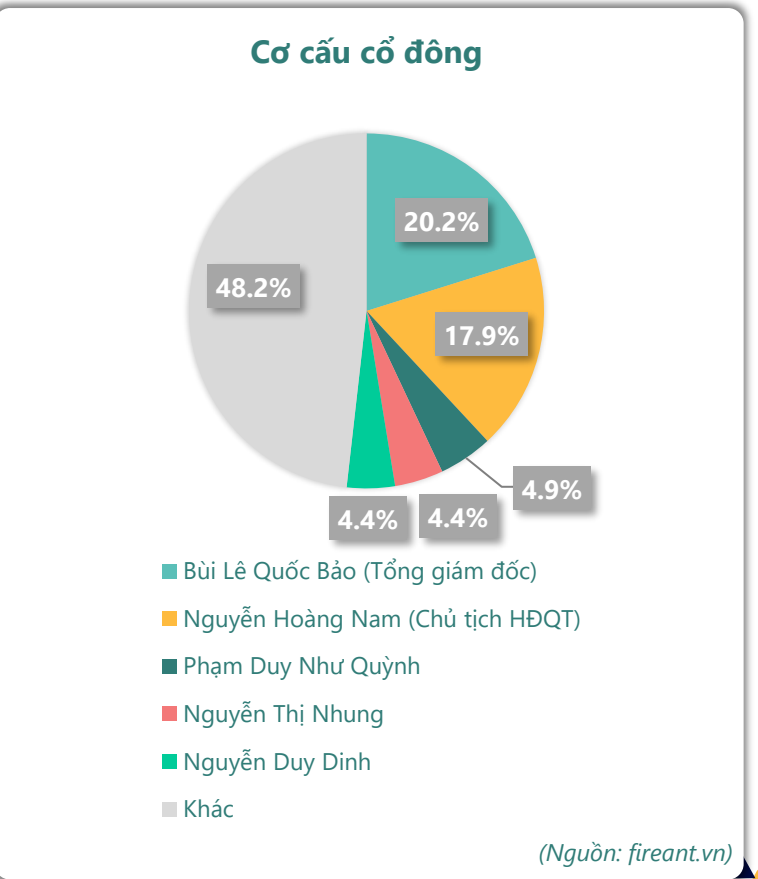
ROE (TTM) Q3/25
12.3%
YoY: +/- ▼ 1.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,498 - 13,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	343
Số lượng CPLH (CP)	31,320,622
KLGD BQ 20 phiên (CP)	263,560
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.83
EPS	1,434
P/E	7.6

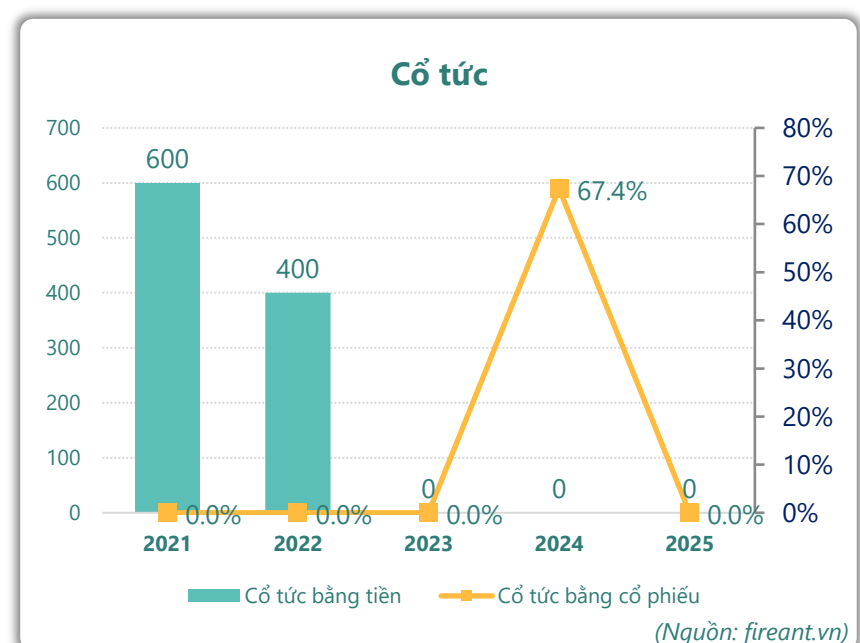
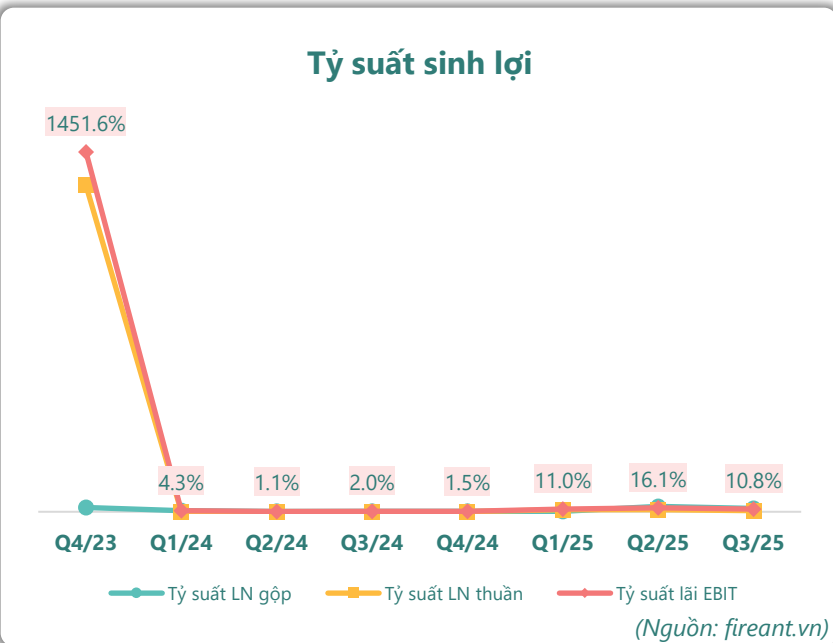
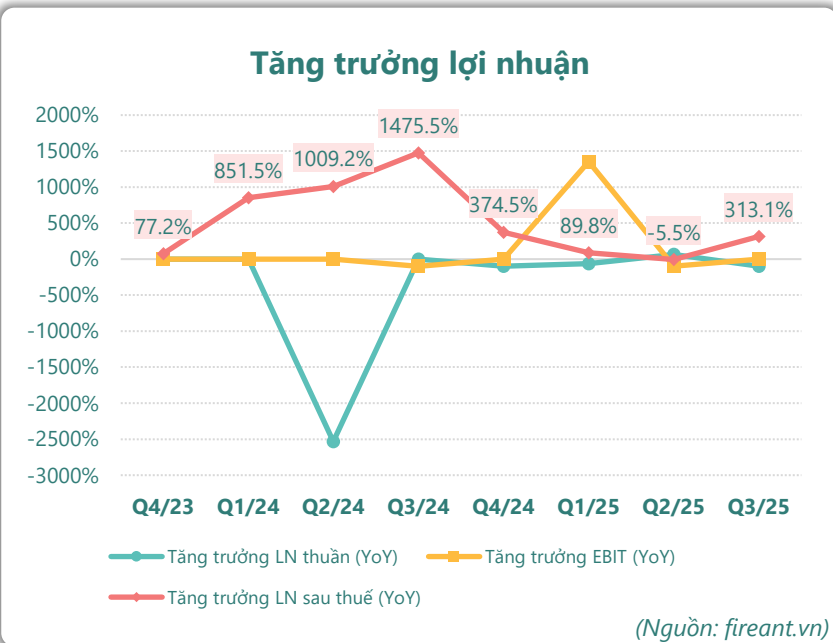
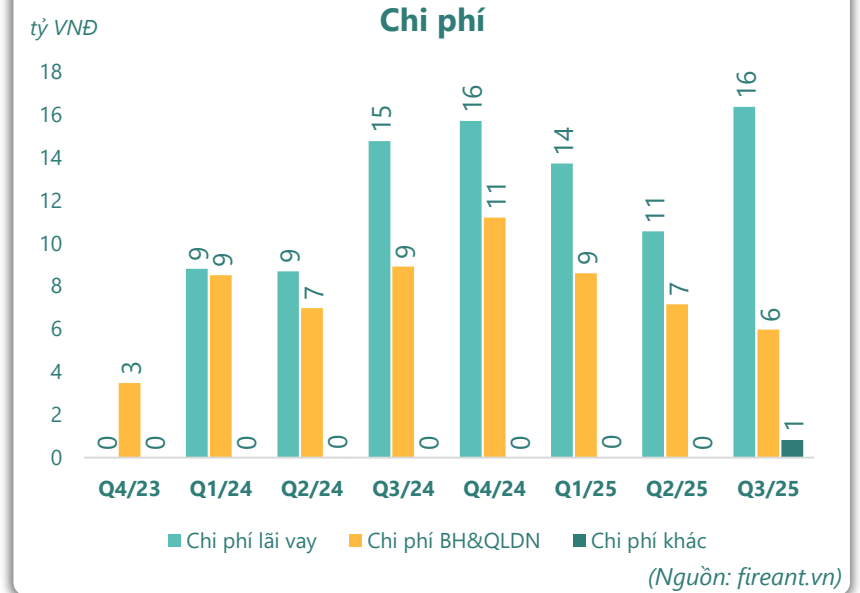
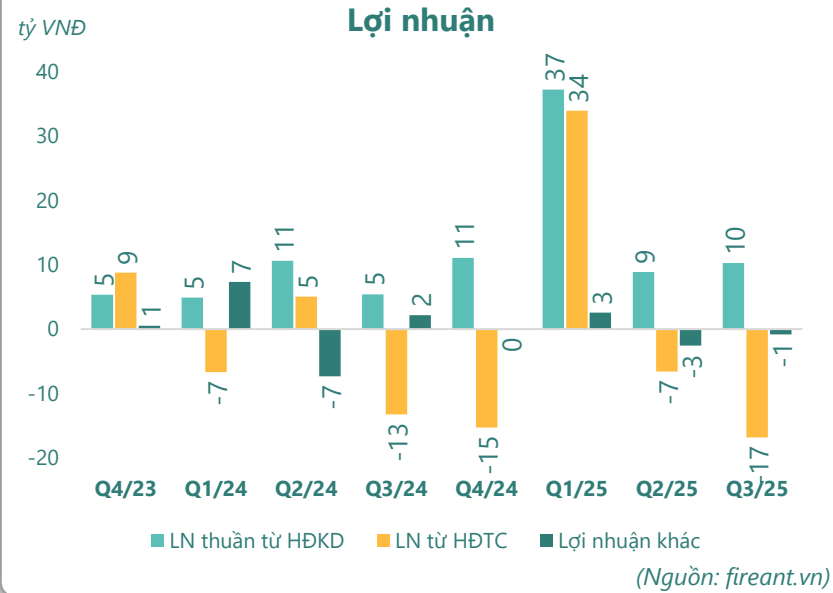
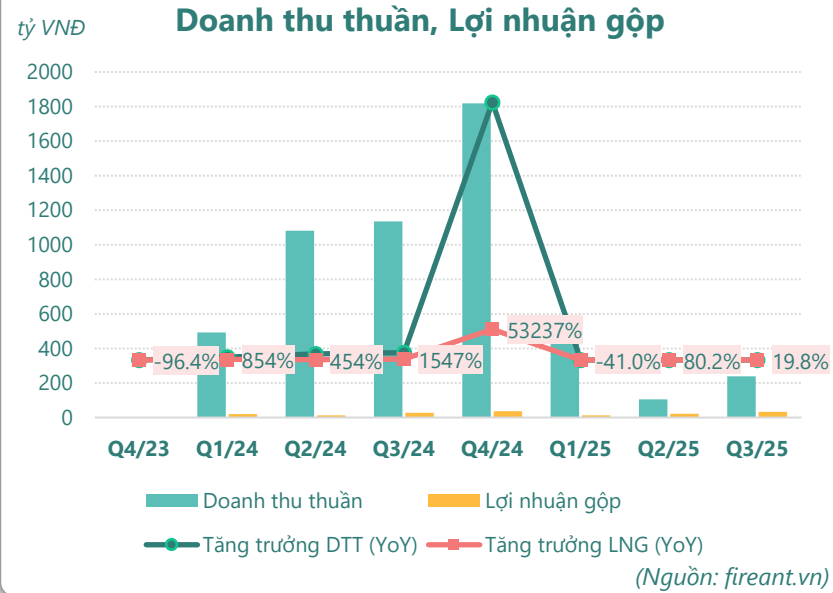
DT thuần 9T 2025
832
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,876 -69.3%

LN thuần 9T 2025
56.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.4 169%

LN sau thuế 9T 2025
40.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.9 159%



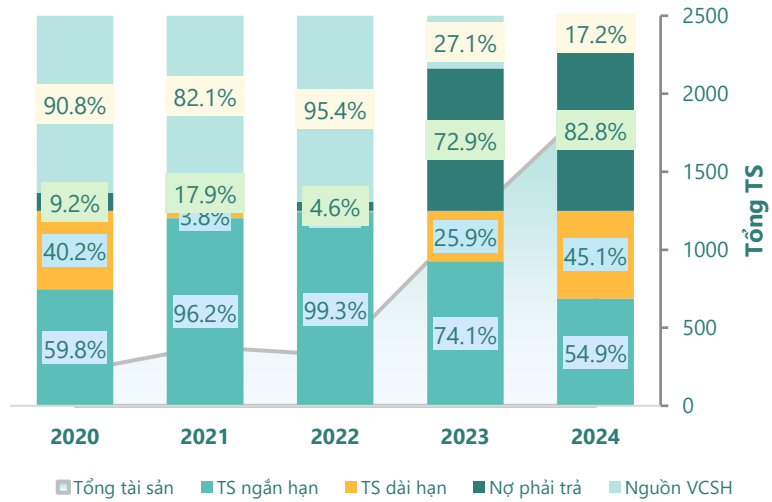
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

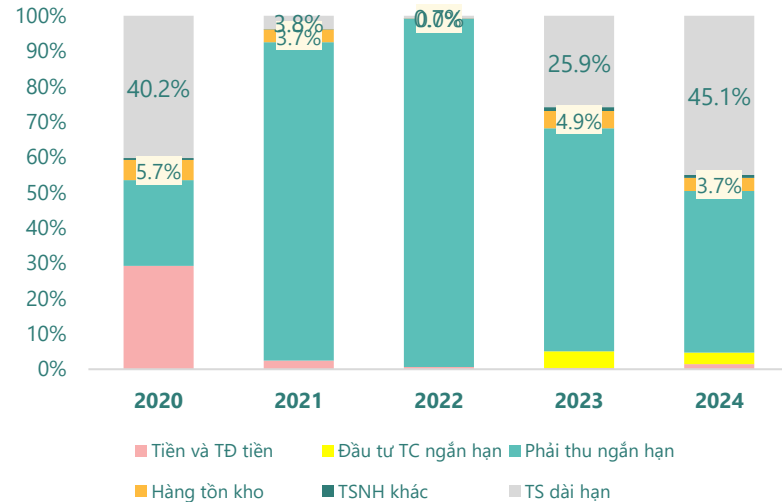
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

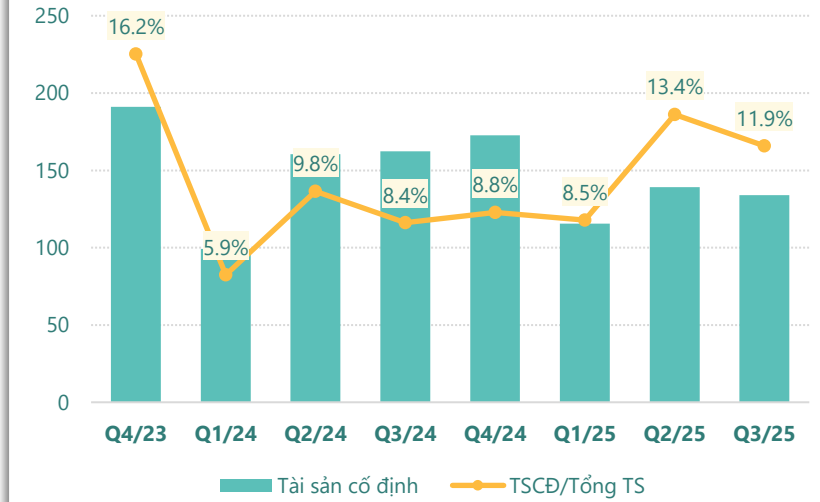
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

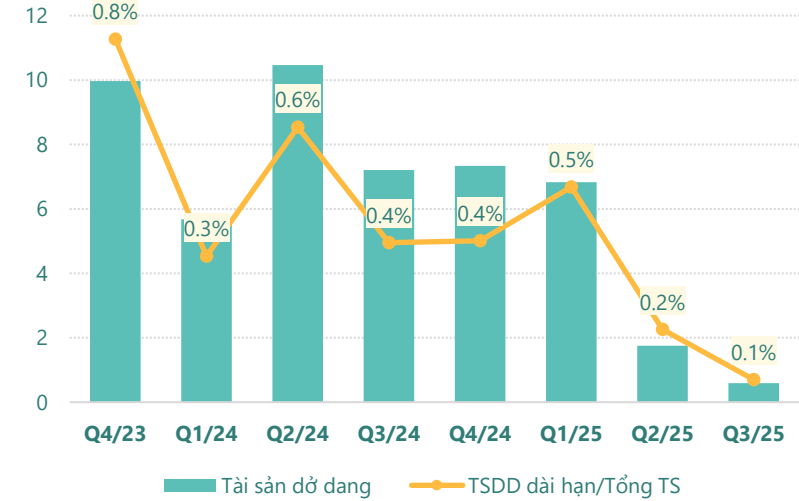
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

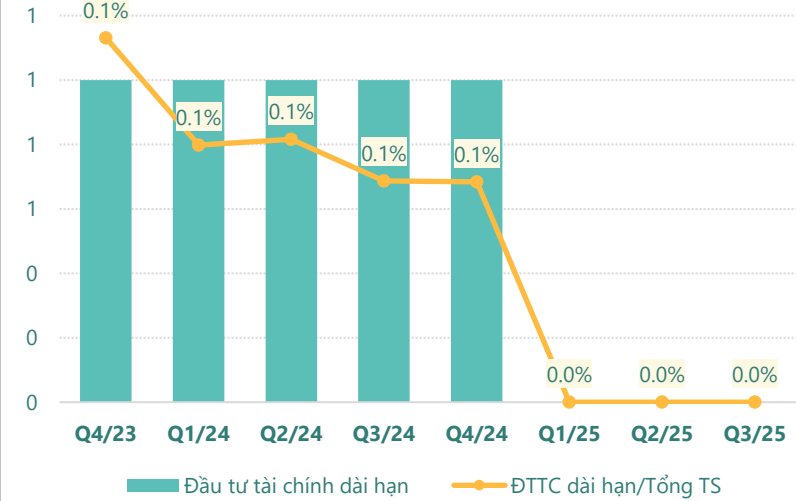
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

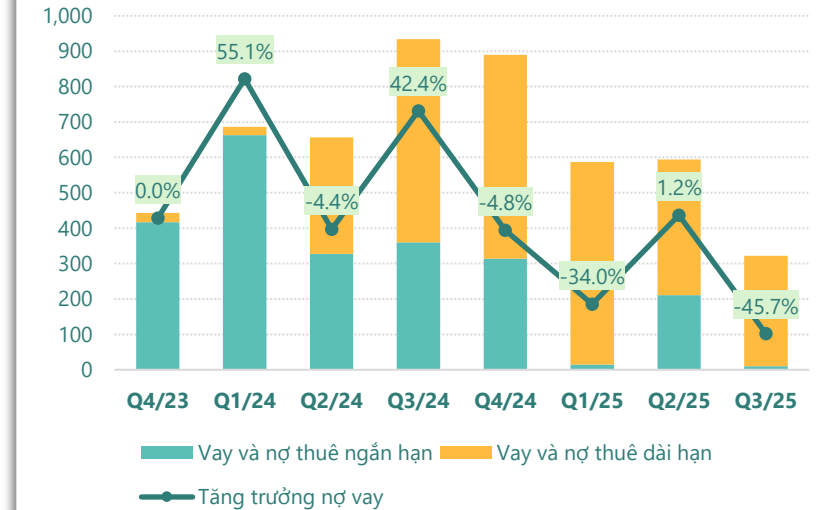
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

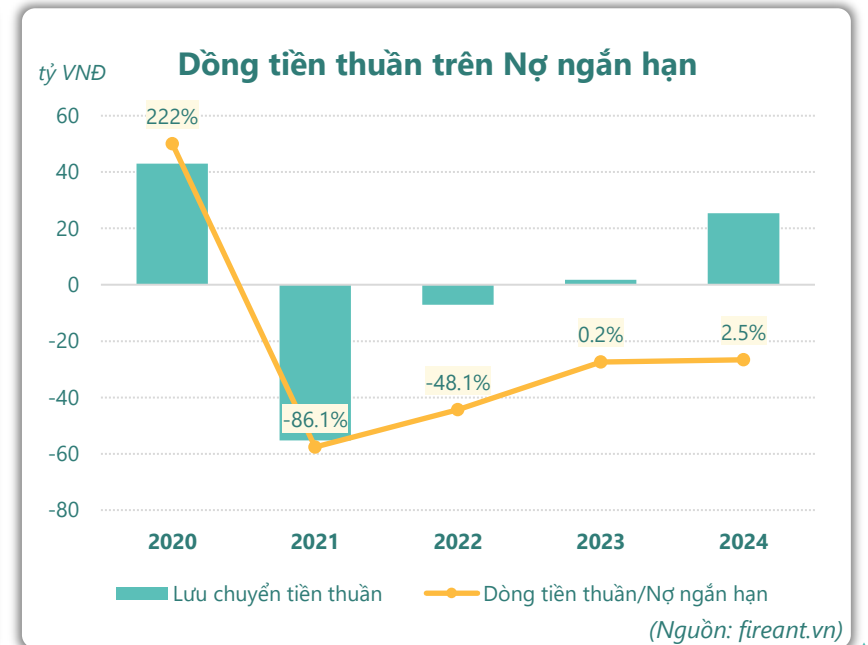
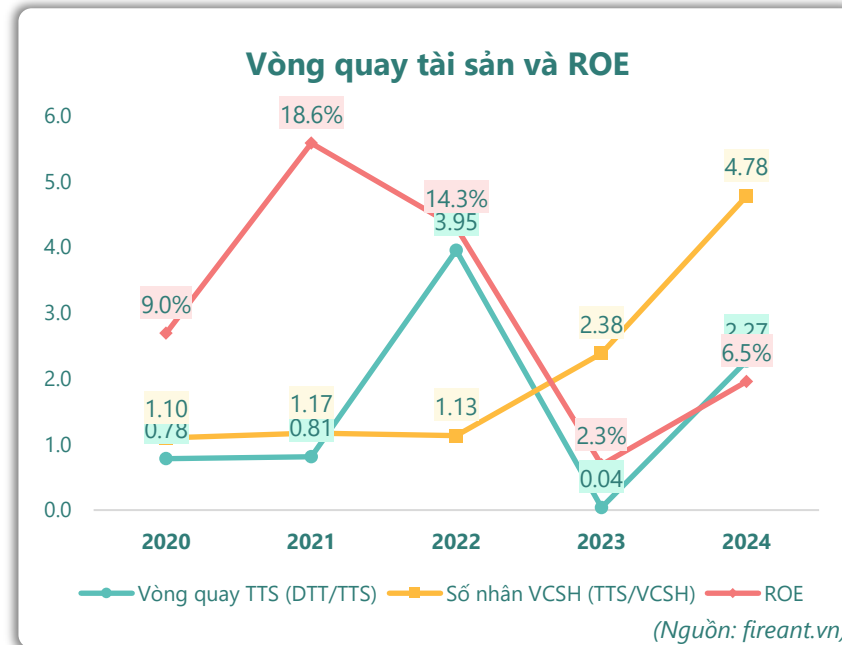
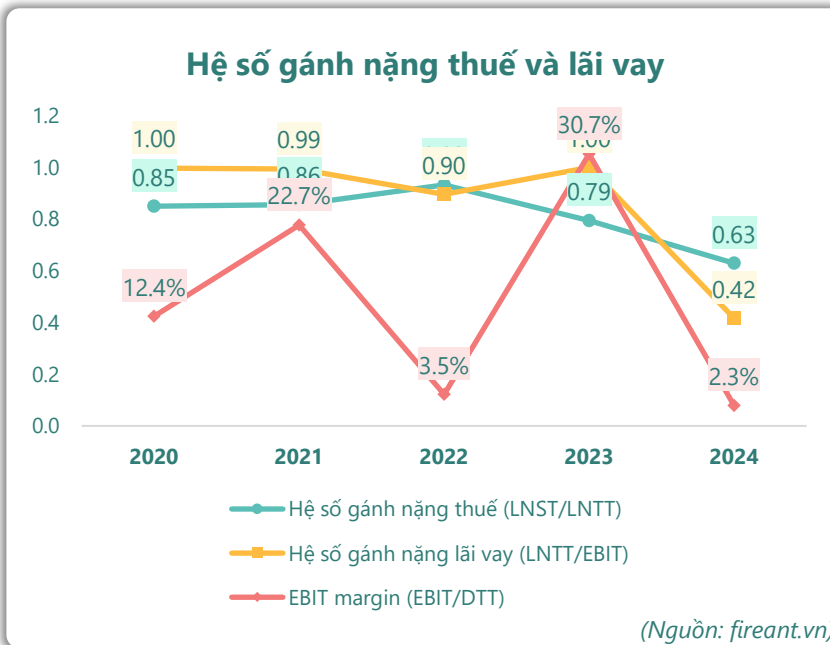
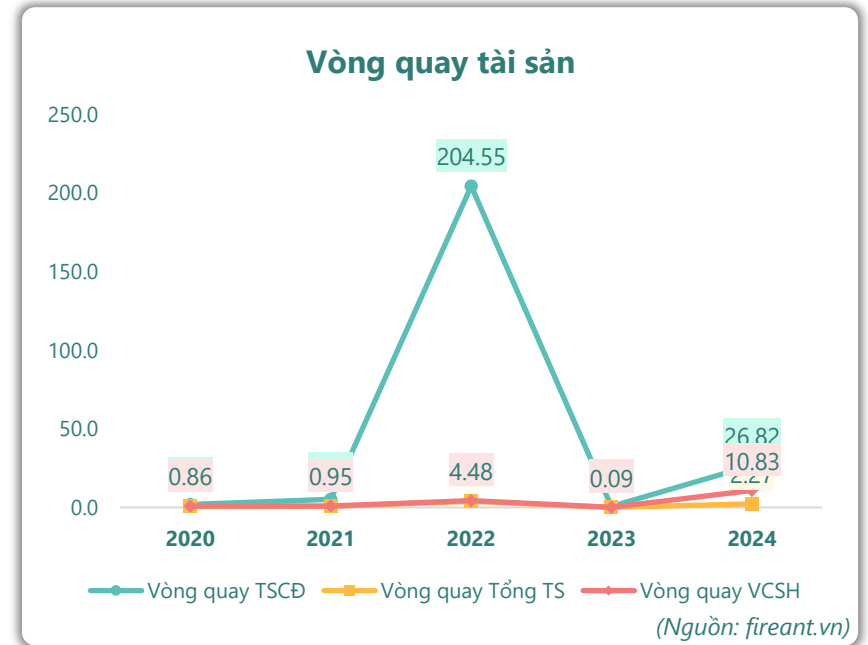
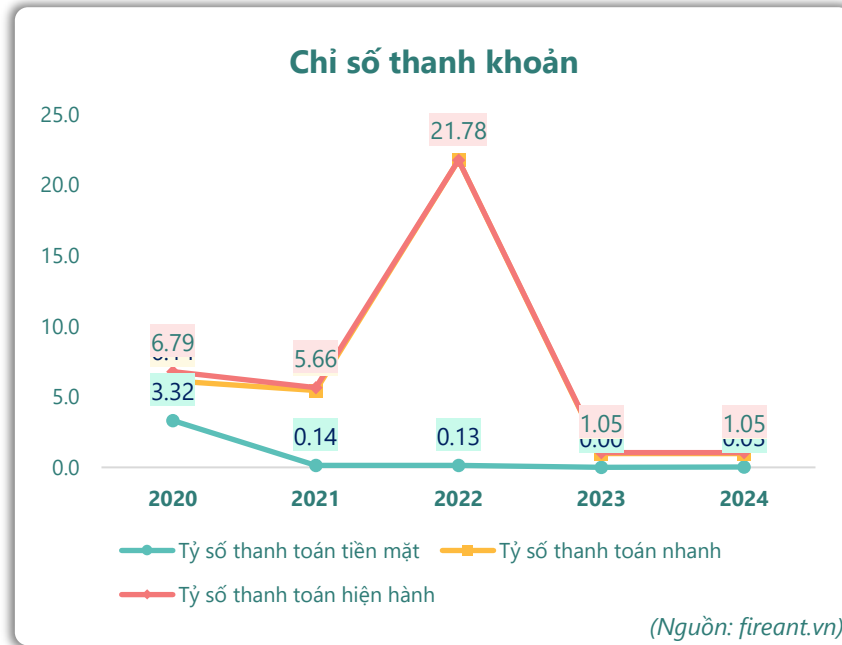
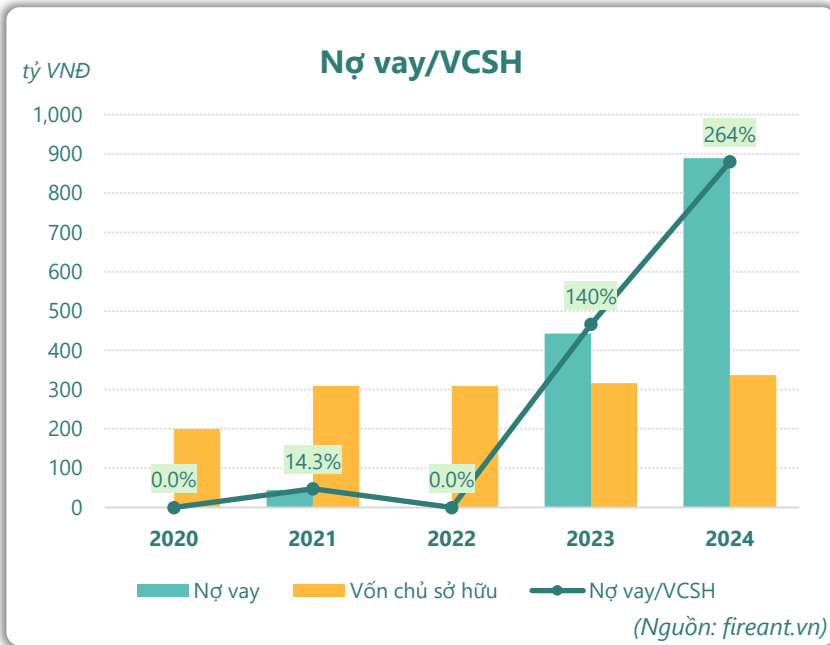
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	239	1,134	-78.9%	832	2,708	-69.3%
Giá vốn hàng bán	206	1,107	-81.4%	765	2,647	-71.1%
Lợi nhuận gộp	33.1	27.6	19.9%	67.6	60.3	12.1%
Doanh thu HĐTC	0.01	1.49	-99.4%	51.7	17.3	198%
Chi phí TC	16.9	14.8	13.9%	41.1	32.3	27.5%
Chi phí lãi vay	16.4	14.8	10.6%	40.7	32.3	26.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.41	0.04	918%	0.57	4.06	-86.0%
Chi phí QLDN	5.57	8.87	-37.2%	21.2	20.3	4.1%
LN thuần từ HĐKD	10.3	5.42	89.4%	56.4	21.0	169%
Lợi nhuận khác	-0.82	2.16	-138%	-0.83	2.14	-139%
LN trước thuế	9.44	7.58	24.6%	55.6	23.1	141%
Lợi nhuận sau thuế	3.80	5.13	-25.9%	40.6	15.7	159%
LNST của CĐ cty mẹ	3.79	5.30	-28.4%	40.6	15.7	159%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-24.3	117	68.6	-105	-216	-10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.6	174	-16.4	50.3	212	6.85
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.6	-283	-44.9	44.5	7.05	-11.4
Tiền đầu kỳ	36.6	12.3	21.1	29.1	18.9	22.2
Lưu chuyển tiền thuần	-24.4	8.79	7.31	-10.2	3.26	-14.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.3	21.1	28.4	18.9	22.2	7.42

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,122	1,953	-42.6%
Tài sản ngắn hạn	429	1,073	-60.0%
Tiền và tương đương tiền	7.42	29.1	-74.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	62.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	320	894	-64.3%
Hàng tồn kho	96.8	71.9	34.7%
Tài sản ngắn hạn khác	5.38	16.1	-66.5%
Tài sản dài hạn	692	880	-21.3%
Phải thu dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Tài sản cố định	134	173	-22.4%
Bất động sản đầu tư	504	566	-11.0%
Tài sản dở dang	0.59	7.33	-92.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	13.7	1.84	646%
Lợi thế thương mại	40.0	131	-69.4%
Nợ phải trả	724	1,616	-55.2%
Nợ ngắn hạn	175	1,027	-83.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.1	314	-96.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	99.6	362	-72.5%
Nợ dài hạn	549	589	-6.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	312	576	-45.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	398	337	18.1%
Vốn chủ sở hữu	398	337	18.1%
Vốn điều lệ	313	313	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

